

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 3.11

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000001	DAO HAI AN	女	2005-10-16	001305011004	LE 3.11	
2	H42516850200000002	NGUYEN THIUY DUONG	女	2004-01-16	001304049689	LE 3.11	
3	H42516850200000003	THAN NGOC BAO LY	女	2007-12-11	024307012208	LE 3.11	
4	H42516850200000004	NGUYEN MINH TO	女	2007-10-14	027307002918	LE 3.11	
5	H42516850200000005	TRUONG THI TRANG	女	2002-02-26	038302003584	LE 3.11	
6	H42516850200000006	NGUYEN QUYNH TRANG	女	2007-12-06	042307010482	LE 3.11	
7	H42516850200000007	PHAN THI BICH LIEN	女	2000-06-20	026300003719	LE 3.11	
8	H42516850200000008	NGUYEN THI HUONG	女	2002-02-05	027302008408	LE 3.11	
9	H42516850200000009	NGUYEN QUYNH NHU	女	2008-01-18	024308013513	LE 3.11	
10	H42516850200000010	NGUYEN HA THU	女	2005-06-16	034305003885	LE 3.11	
11	H42516850200000011	HOANG THI DUNG	女	2002-07-18	022302001923	LE 3.11	
12	H42516850200000012	NGUYEN HONG DUYEN	女	2005-01-31	037305003964	LE 3.11	
13	H42516850200000013	LE KHANH VI	女	2007-10-22	027307010090	LE 3.11	
14	H42516850200000014	THAN THUY LAN	女	2007-08-02	024307011630	LE 3.11	
15	H42516850200000015	BE THI HIEN	女	2002-01-20	022302004803	LE 3.11	
16	H42516850200000016	DAM THI TUYEN	女	1999-07-04	020199003229	LE 3.11	
17	H42516850200000017	NGUYEN THI CHINH	女	1996-03-16	027196000973	LE 3.11	
18	H42516850200000018	VU HOANG ANH	女	2007-04-11	024307006522	LE 3.11	
19	H42516850200000019	NGUYEN THI TU OANH	女	1998-02-16	031198003731	LE 3.11	
20	H42516850200000020	VU THI NGOC KHANH	女	2007-05-21	036307011884	LE 3.11	
21	H42516850200000021	LE QUYNH ANH	女	2006-09-22	001306070173	LE 3.11	
22	H42516850200000022	HOANG VAN HA	男	1988-09-30	020088008183	LE 3.11	
23	H42516850200000023	VU TRA MY	女	2006-05-01	024306012984	LE 3.11	
24	H42516850200000024	NGUYEN THANH CHUC	女	2002-03-02	091302009077	LE 3.11	
25	H42516850200000025	PHAN HONG DUC	男	1994-06-14	042094014233	LE 3.11	
26	H42516850200000026	DUONG VAN NGA	女	2007-11-27	033307011648	LE 3.11	
27	H42516850200000027	LE THI HANG	女	2007-02-03	031307010253	LE 3.11	
28	H42516850200000028	NGUYEN LE KHANH LINH	女	2007-11-09	027307003867	LE 3.11	
29	H42516850200000029	HA THI HONG HANH	女	2007-01-09	019307033235	LE 3.11	
30	H42516850200000030	PHI THI HONG MINH	女	2007-02-02	019307003816	LE 3.11	
31	H42516850200000031	NGUYEN THI THUY DUNG	女	2006-09-01	037306003467	LE 3.11	
32	H42516850200000032	TRAN GIA LINH	女	2008-03-25	042308007126	LE 3.11	
33	H42516850200000033	LE THI THU HIEN	女	2002-05-01	031302003064	LE 3.11	
34	H42516850200000034	NGUYEN NGOC LINH	女	2006-02-06	001306004704	LE 3.11	
35	H42516850200000035	TA THI TUYET MAI	女	2007-11-28	024307013014	LE 3.11	
36	H42516850200000036	TRAN VU BAO ANH	女	2004-11-17	024304007936	LE 3.11	
37	H42516850200000037	DUONG THUY HONG	女	2003-10-27	035303003366	LE 3.11	
38	H42516850200000038	NGUYEN THI THU	女	2007-03-29	034307015588	LE 3.11	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000039	NGUYEN THI TRANG	女	2005-04-30	037305006572	LE 4.12	
2	H42516850200000040	PHAN THI THANH HIEN	女	1998-05-14	02/198009103	LE 4.12	
3	H42516850200000041	DOAN MAI ANH	女	2004-10-23	031304002344	LE 4.12	
4	H42516850200000042	DINH THI THUY HANG	女	2003-07-17	035303004664	LE 4.12	
5	H42516850200000043	DUONG THI CHINH	女	2007-03-05	024307015001	LE 4.12	
6	H42516850200000044	TRINH NHAT LA	女	2003-10-14	036303001218	LE 4.12	
7	H42516850200000045	NGO LE TU	男	2003-10-05	034203006925	LE 4.12	
8	H42516850200000046	NGUYEN TIANH ANH	女	2002-02-03	027302009307	LE 4.12	
9	H42516850200000047	BUI THANH LOC	女	2007-08-12	001307058582	LE 4.12	
10	H42516850200000048	NGUYEN THI HOA	女	2007-09-05	024307015242	LE 4.12	
11	H42516850200000049	VU HOANG NAM	男	1999-11-13	031099014610	LE 4.12	
12	H42516850200000050	LUONG THI HA	女	2005-12-06	038305007421	LE 4.12	
13	H42516850200000051	KHUAT THUY LINH	女	2007-01-03	001307005053	LE 4.12	
14	H42516850200000052	TRAN PHUONG LINH	女	2007-12-13	025307014016	LE 4.12	
15	H42516850200000053	LE THI THANH TRUC	女	2003-10-26	036303007826	LE 4.12	
16	H42516850200000054	NGUYEN MINH PHUONG	女	2005-06-25	038305007673	LE 4.12	
17	H42516850200000055	PHAM THI LY	女	2007-11-04	024307005741	LE 4.12	
18	H42516850200000056	DAO GIA HAN	女	2009-07-15	001309016377	LE 4.12	
19	H42516850200000057	NGUYEN THI HUYEN	女	2002-02-08	027302004296	LE 4.12	
20	H42516850200000058	NGUYEN MINH HOP	女	2000-09-20	038300001729	LE 4.12	
21	H42516850200000059	TRAN THI LAN HUONG	女	2007-08-22	027307010407	LE 4.12	
22	H42516850200000060	PHAM TRUNG KHANH	男	2006-09-05	001206035520	LE 4.12	
23	H42516850200000061	NGUYEN THI HIEN LUONG	女	2005-02-27	001305034742	LE 4.12	
24	H42516850200000062	DAO THI YEN	女	2007-07-07	034307004069	LE 4.12	
25	H42516850200000063	NGUYEN THI THU ANH	女	2007-11-15	034307003637	LE 4.12	
26	H42516850200000064	NGO THI HUONG	女	1996-11-29	038196001851	LE 4.12	
27	H42516850200000065	GIAP HUYEN TRANG	女	2006-04-04	024306014541	LE 4.12	
28	H42516850200000066	DINH THI VAN	女	2003-08-11	017303007755	LE 4.12	
29	H42516850200000067	NGUYEN THI HAI YEN	女	2000-12-10	026300006424	LE 4.12	
30	H42516850200000068	PHAM NGUYEN HANH	女	2003-08-26	038303007616	LE 4.12	
31	H42516850200000069	LO THI HUONG	女	2007-01-22	019307006969	LE 4.12	
32	H42516850200000070	PHAN THI HONG VAN	女	2006-09-28	025306007935	LE 4.12	
33	H42516850200000071	MAI THI THUY HUONG	女	2003-11-09	031303012507	LE 4.12	
34	H42516850200000072	TRINH NGOC VY	女	2007-05-14	037307009380	LE 4.12	
35	H42516850200000073	TRAN THI THUY	女	2002-07-24	040302012809	LE 4.12	
36	H42516850200000074	TRAN THI VAN	女	2002-07-24	040302018045	LE 4.12	
37	H42516850200000075	NGO THI QUYNH	女	2004-03-20	031304007232	LE 4.12	
38	H42516850200000076	NGUYEN THI THU HIEN	女	2001-01-01	001301009412	LE 4.12	
39	H42516850200000077	DO LAN CHI	女	2003-11-06	034303010657	LE 4.12	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000078	NGUYEN HUONG GIANG	女	2006-08-03	002306009365	LE 4.14	
2	I142516850200000079	NGO QUYNH MAI	女	2004-07-18	001304016989	LE 4.14	
3	H42516850200000080	NGUYEN THI HA	女	1998-09-20	024198000704	LE 4.14	
4	H42516850200000081	NGO THI MINH LOAN	女	1993-04-08	019193007756	I.F 4.14	
5	H42516850200000082	NGUYEN LE HOANG DUNG	男	2005-11-11	001205018972	LE 4.14	
6	H42516850200000083	PHAM LE KIM NGAN	女	2007-08-17	022307003844	LE 4.14	
7	H42516850200000084	DUONG THANH THANH	女	2007-01-18	002307004633	LE 4.14	
8	H42516850200000085	HÔNG THI THU THUY	女	2003-07-03	001303041787	LE 4.14	
9	H42516850200000086	TRAN MINH DAT	男	2007-09-06	031207010811	LE 4.14	
10	H42516850200000087	TRAN KHANH LINH	女	2007-10-01	022307005806	LE 4.14	
11	H42516850200000088	HOANG THI BICH NGOC	女	2003-06-14	036303009231	LE 4.14	
12	H42516850200000089	DIEM NGOC ANH	女	2006-07-15	024306000254	LE 4.14	
13	H42516850200000090	NGO TRONG HIEU	男	2003-03-11	001203008256	LE 4.14	
14	H42516850200000091	VU THI MAI LAN	女	1998-10-14	031198009884	LE 4.14	
15	I142516850200000092	DO THI THU THUY	女	2007-11-08	024307012686	I.F 4.14	
16	H42516850200000093	LUONG DIEM QUYNH ANH	女	2001-11-30	034301011443	LE 4.14	
17	H42516850200000094	NGUYEN TRUNG KIEN	女	1992-04-27	027192002927	LE 4.14	
18	H42516850200000095	NGUYEN QUYNH NGA	女	2003-09-19	001303007833	LE 4.14	
19	H42516850200000096	NGUYEN PHUONG ANH	女	2000-07-19	022300004541	LE 4.14	
20	H42516850200000097	NGUYEN HONG CONG	男	2002-10-09	024202009549	LE 4.14	
21	H42516850200000098	NGUYEN HUY TUAN ANH	男	2002-04-25	038202007999	LE 4.14	
22	H42516850200000099	MAN THI SEN	女	2006-10-31	027306008178	LE 4.14	
23	H42516850200000100	PHAN THI NGOC MAI	女	2007-09-05	024307003007	LE 4.14	
24	H42516850200000101	NGUYEN THI THU UYEN	女	2002-10-08	024302008879	LE 4.14	
25	H42516850200000102	TRAN THU TRANG	女	2003-12-16	019303003919	LE 4.14	
26	H42516850200000103	TRAN THU HUYEN	女	2003-12-16	019303003918	LE 4.14	
27	H42516850200000104	TA LE TRA MY	女	2007-12-01	038307006886	LE 4.14	
28	H42516850200000105	NGUYEN KHANH NGOC	女	1992-08-16	E02203304	LE 4.14	
29	H42516850200000106	LAI NGUYEN THUY TRANG	女	2007-09-22	001307022522	LE 4.14	
30	H42516850200000107	TRAN XUAN CAN	男	2008-11-24	024208000706	LE 4.14	
31	H42516850200000108	HOANG THI LIEN	女	1994-06-12	020194001842	LE 4.14	
32	H42516850200000109	NGUYEN HUU DAT	男	2005-07-18	012205000621	LE 4.14	
33	H42516850200000110	VU VAN CUONG	男	2007-07-01	022207001588	LE 4.14	
34	H42516850200000111	HOANG THI THAO	女	1995-02-17	031195006349	LE 4.14	
35	H42516850200000112	DANG THI LAN	女	1995-05-25	017195003778	LE 4.14	
36	H42516850200000113	HA QUYNH ANH	女	2007-11-23	025307009839	LE 4.14	
37	H42516850200000114	PHAM PHUONG THAO	女	2006-04-19	001306038260	LE 4.14	
38	H42516850200000115	NGUYEN SY PHAT	男	2006-02-23	001206028604	LE 4.14	
39	H42516850200000116	NGUYEN NGOC VAN KHANH	女	2005-06-21	079305010176	LE 4.14	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000117	NGUYEN THI LAN ANH	女	1997-05-22	027197007974	LE 5.17	
2	H42516850200000118	NGUYEN THI NHAI MINH	女	2007-04-11	033307003791	LE 5.17	
3	H42516850200000119	VU THI VAN ANH	女	2007-10-14	026307007467	LE 5.17	
4	H42516850200000120	NGHIEM NHAI LINH	女	2007-10-08	015307009484	LE 5.17	
5	H42516850200000121	LUU HAI YEN	女	2006-08-12	025306005903	LE 5.17	
6	H42516850200000122	TRAN VU PHUONG LY	女	2003-12-15	044303002308	LE 5.17	
7	H42516850200000123	HOANG THI LINH	女	2003-01-08	022303005785	LE 5.17	
8	H42516850200000124	NGUYEN THI PHUONG THAO	女	2001-06-16	022301005713	LE 5.17	
9	H42516850200000125	TRAN MUA THU	女	2006-10-14	008306001429	LE 5.17	
10	H42516850200000126	PHAM NGOC SON	男	1996-08-22	001096030244	LE 5.17	
11	H42516850200000127	NGUYEN DUC CANH	男	2002-05-17	034202010677	LE 5.17	
12	H42516850200000128	NGUYEN HUONG HOAI	女	2002-02-15	027302005625	LE 5.17	
13	H42516850200000129	DOAN THI THANH THUY	女	2002-08-05	034302010888	LE 5.17	
14	H42516850200000130	NGUYEN THI THU HIEN	女	2000-09-12	026300000242	LE 5.17	
15	H42516850200000131	DUONG THI DUNG	女	1993-12-07	026193011881	LE 5.17	
16	H42516850200000132	TRAN THI TUYET MAI	女	2003-07-21	019303001209	LE 5.17	
17	H42516850200000133	VU MINH ANH	女	2001-10-01	036301000141	LE 5.17	
18	H42516850200000134	NGUYEN PHUONG HIEU	男	1999-07-21	019099006248	LE 5.17	
19	H42516850200000135	NGUYEN THI HUE	女	2007-07-24	027307004087	LE 5.17	
20	H42516850200000136	NGUYEN THI HOA	女	2005-09-15	036305018246	LE 5.17	
21	H42516850200000137	PHAM THU HANG	女	2001-03-20	034301008969	LE 5.17	
22	H42516850200000138	DANG MANH HUNG	男	2007-02-02	001207095100	LE 5.17	
23	H42516850200000139	TRAN THU HOAI	女	1998-02-06	019198004197	LE 5.17	
24	H42516850200000140	HOANG DANG NINH	女	1996-07-01	001196002012	LE 5.17	
25	H42516850200000141	DAM THI HAI YEN	女	2007-12-02	030307012487	LE 5.17	
26	H42516850200000142	NGO TRANG MY	女	2007-11-07	001307004255	LE 5.17	
27	H42516850200000143	DANG THI NGA	女	1992-09-19	024192018684	LE 5.17	
28	H42516850200000144	HOANG PHUONG ANH	女	2004-03-31	038304016397	LE 5.17	
29	H42516850200000145	NGUYEN THI ANH SANG	女	2007-06-21	040307007022	LE 5.17	
30	H42516850200000146	NGUYEN THI NHU NGUYET	女	2001-10-22	027301010294	LE 5.17	
31	H42516850200000147	TRAN THI HONG HANH	女	2003-02-06	008303000383	LE 5.17	
32	H42516850200000148	DINH QUANG GIAP	男	2004-11-20	027204001928	LE 5.17	
33	H42516850200000149	TRAN THANH HIEN	女	2004-08-07	034304005182	LE 5.17	
34	H42516850200000150	DO MINH CHAU	女	2007-09-19	017307008677	LE 5.17	
35	H42516850200000151	PHAM THIEN PHONG	男	2006-09-24	052206000083	LE 5.17	
36	H42516850200000152	TA XUAN TRUONG	男	1993-09-23	001093016213	LE 5.17	
37	H42516850200000153	NGUYEN NGOC PHU	男	1987-12-05	089087015760	LE 5.17	
38	H42516850200000154	NGUYEN THI MY	女	2004-01-25	042304009021	LE 5.17	
39	H42516850200000155	NGUYEN PHAM KIM NGAN	女	2007-11-19	024307000627	LE 5.17	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000156	NGUYEN THANH VINH	男	2007-11-13	040207021408	LE 5.18	
2	I14251685020000015 /	DO NHAI LINH	女	2003-09-01	027303000279	LE 5.18	
3	H42516850200000158	NGUYEN HUONG THAO	女	2007-12-07	027307009329	LE 5.18	
4	H42516850200000159	TRAN HUYEN NHUNG	女	2002-02-17	019302002765	LE 5.18	
5	H42516850200000160	NGUYEN THI THANH HANG	女	2007-10-13	038307016612	LE 5.18	
6	H42516850200000161	VU THI YEN OANH	女	2007-10-02	031307017208	LE 5.18	
7	H42516850200000162	TRIEU THI BAO NGOC	女	2007-03-05	019307003543	LE 5.18	
8	H42516850200000163	NGUYEN HONG KHANH LY	女	2002-08-30	019302008676	LE 5.18	
9	H42516850200000164	DUONG THI TOAN	女	1978-07-01	024178018097	LE 5.18	
10	H42516850200000165	NGUYEN MINH THAI	男	2006-03-05	001206092394	LE 5.18	
11	H42516850200000166	LE THI NGOC HUYEN	女	2002-01-07	034302002291	LE 5.18	
12	H42516850200000167	TA NGO NGOC TRAM	女	2007-01-17	024307003421	LE 5.18	
13	H42516850200000168	TRAN HONG TAM	女	2007-03-03	022307008126	LE 5.18	
14	H42516850200000169	DO MINH GIANG	男	2006-01-16	024206008219	LE 5.18	
15	H42516850200000170	NGUYEN THANH NOI	男	1994-06-23	001094047040	LE 5.18	
16	H42516850200000171	NGUYEN THI KIM OANH	女	2005-12-05	001305042635	LE 5.18	
17	H42516850200000172	NGUYEN VAN ANH	男	2007-01-14	027207007542	LE 5.18	
18	H42516850200000173	NGUYEN PHUONG LINH	女	2007-04-10	001307035512	LE 5.18	
19	H42516850200000174	VU NGOC DIEP	女	2000-12-03	031300003388	LE 5.18	
20	H42516850200000175	DAO DIEU LINH	女	2000-12-16	019300004825	LE 5.18	
21	H42516850200000176	LE THUY HA	女	2002-01-13	001302016180	LE 5.18	
22	H42516850200000177	PHAN NHU QUYNH	女	2005-09-08	022305001898	LE 5.18	
23	H42516850200000178	CHU THI LOAN	女	1997-06-29	024197008141	LE 5.18	
24	H42516850200000179	VU VAN SANG	男	1999-10-25	022099003216	LE 5.18	
25	H42516850200000180	TRAN MINH NGOC	女	2000-01-23	001300017613	LE 5.18	
26	H42516850200000181	PHAN THANH HAI	女	2007-09-16	037307006017	LE 5.18	
27	H42516850200000182	PHAM NGOC ANH	女	2007-07-14	035307009496	LE 5.18	
28	H42516850200000183	TO THI MAI	女	1994-04-14	020194010612	LE 5.18	
29	H42516850200000184	NONG NGOC HUYEN	女	2002-10-06	020302004304	LE 5.18	
30	H42516850200000185	LE THI THUY TRANG	女	2006-02-27	026306006046	LE 5.18	
31	H42516850200000186	NGUYEN THI PHUONG THAO	女	2007-08-13	001307048404	LE 5.18	
32	H42516850200000187	DINH THI HANG	女	2002-09-13	030302004941	LE 5.18	
33	H42516850200000188	VU THI THANH NHA	女	2007-10-23	031307011567	LE 5.18	
34	H42516850200000189	NGUYEN PHUONG THAO	女	1990-12-07	033190001092	LE 5.18	
35	H42516850200000190	VU KHANH DUYEN	女	2004-06-26	036304002366	LE 5.18	
36	H42516850200000191	NGUYEN PHUONG TRANG	女	2004-04-02	001304001843	LE 5.18	
37	H42516850200000192	TO THANH LE	男	2001-11-15	044201005014	LE 5.18	
38	H42516850200000193	HOANG VAN THUONG	男	1989-09-18	024089015497	LE 5.18	
39	H42516850200000194	NGUYEN DUY LIEM	男	1988-09-20	019088000880	LE 5.18	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.19

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000195	NGUYEN MAI HUYEN TRINH	女	2006-09-22	001306027634	LE 5.19	
2	H42516850200000196	LUU DIEU LINH	女	2008-11-19	010308006700	LE 5.19	
3	H42516850200000197	NGUYEN THI PHUONG	女	2000-08-11	P00647763	LE 5.19	
4	H42516850200000198	TRAN THI THAO	女	1992-12-15	027192010356	LE 5.19	
5	H42516850200000199	VU THI HUE	女	1998-07-19	037198006331	LE 5.19	
6	H42516850200000200	NGUYEN THUY HA	女	1998-08-09	030198003234	LE 5.19	
7	H42516850200000201	NGUYEN TRONG BAC	男	2000-12-21	024200000560	LE 5.19	
8	H42516850200000202	BUI HUYEN TRANG	女	1991-10-12	008191000088	LE 5.19	
9	H42516850200000203	HOANG THI HONG	女	1993-09-26	020193005422	LE 5.19	
10	H42516850200000204	NGUYEN THI MAI TRANG	女	2008-10-03	024308010761	LE 5.19	
11	H42516850200000205	DO PHUONG THAO	女	2002-01-14	019302008508	LE 5.19	
12	H42516850200000206	NGUYEN THANH SON	男	2002-10-28	019202010151	LE 5.19	
13	H42516850200000207	HOANG THU HUONG	女	2000-08-10	019300006118	LE 5.19	
14	H42516850200000208	NGUYEN THI THOA	女	1997-12-19	019197001566	LE 5.19	
15	H42516850200000209	NGUYEN THI LAN	女	2003-03-12	019303000902	LE 5.19	
16	H42516850200000210	TONG THI ANH TUYET	女	1999-02-12	025199000716	LE 5.19	
17	H42516850200000211	NGUYEN NGOC LAM	男	1996-02-19	027096006384	LE 5.19	
18	H42516850200000212	VU LAN HUONG	女	2007-05-09	036307012285	LE 5.19	
19	H42516850200000213	DANG THI NGOC TAM	女	2003-10-24	019303001111	LE 5.19	
20	H42516850200000214	NGUYEN BICH PHUONG	女	2003-11-09	019303002830	LE 5.19	
21	H42516850200000215	VU DO BINH	男	2002-02-28	019202000363	LE 5.19	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.20

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000216 NGUYEN THUY LINH	女	2007-12-09	022307012465	LE 5.20	
2	H42516850200000217 TRUONG THI MAI	女	1996-12-12	034196013645	LE 5.20	
3	H42516850200000218 DO TIEN HIEP	男	2007-08-07	020207000573	LE 5.20	
4	H42516850200000219 DO ANH DUONG	男	1995-02-19	025095005761	LE 5.20	
5	H42516850200000220 NGUYEN HONG TUYET NHUNG	女	2007-09-07	034307012503	LE 5.20	
6	H42516850200000221 L F THI HONG ANH	女	2007-03-09	042307000126	L F 5.20	
7	H42516850200000222 VU HOANG DUY	男	2007-12-10	037207006779	LE 5.20	
8	H42516850200000223 TRAN PHUONG TRINH	女	2003-09-30	042303002122	LE 5.20	
9	H42516850200000224 PHAM LE BOI NGAN	女	2006-12-06	022306000888	LE 5.20	
10	H42516850200000225 DUONG THI HUYEN DIEU	女	2004-10-16	002304001641	LE 5.20	
11	H42516850200000226 THAN THI YEN	女	2006-12-14	024306001432	LE 5.20	
12	H42516850200000227 DO THI THUY TRANG	女	2007-04-26	034307002397	LE 5.20	
13	H42516850200000228 DAM THUY LINH	女	2007-12-04	004307004502	LE 5.20	
14	H42516850200000229 TRAN THI LAN	女	1993-03-09	040193038343	LE 5.20	
15	H42516850200000230 HOANG THI DAM	女	2001-10-20	006301004614	LE 5.20	
16	H42516850200000231 NGUYEN THI LAN ANH	女	2008-04-04	024308008910	LE 5.20	
17	H42516850200000232 NGUYEN GIANG ANH	女	2004-11-12	025304000893	LE 5.20	
18	H42516850200000233 HOANG HA VI	女	2007-06-22	006307005541	LE 5.20	
19	H42516850200000234 DINH THI THUY LINH	女	2004-04-22	001304046310	LE 5.20	
20	H42516850200000235 NGUYEN THI LAM ANH	女	2001-09-20	008301005024	LE 5.20	
21	H42516850200000236 LE KHANH LINH	女	2005-12-19	042305000570	LE 5.20	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000237	NGUYEN VAN THAI	男	2007-01-04	027207012721	LE 5.21	
2	H42516850200000238	VU VIET CUONG	男	1997-12-19	022097002301	LE 5.21	
3	H42516850200000239	VU THI NGOC	女	2000-05-30	022300005676	LE 5.21	
4	H42516850200000240	NGUYEN PHUONG THAO	女	1999-11-08	022199010998	LE 5.21	
5	H42516850200000241	NGUYEN THI THU HA	女	2000-08-22	022300003588	LE 5.21	
6	H42516850200000242	DINH VAN LONG	男	2003-11-02	022203007721	LE 5.21	
7	H42516850200000243	DOAN THI VAN ANH	女	2006-09-28	022306009334	LE 5.21	
8	H42516850200000244	DANG THI THU HA	女	2007-06-03	022307006218	LE 5.21	
9	H42516850200000245	LUYEN NHU HIEN	女	1992-09-23	030192014640	LE 5.21	
10	H42516850200000246	HOANG VAN CHINH	男	2005-05-05	031205015759	LE 5.21	
11	H42516850200000247	PHAM THI THAO	女	2006-04-07	022306005399	LE 5.21	
12	H42516850200000248	HOANG THI THU HUONG	女	2006-02-19	004306006983	LE 5.21	
13	H42516850200000249	HA THI NGOC ANH	女	2006-04-20	022306010550	LE 5.21	
14	H42516850200000250	DINH DUC THAI	男	2003-12-24	022203006269	LE 5.21	
15	H42516850200000251	BUI KHANH LINH	女	1996-01-19	034196009118	LE 5.21	
16	H42516850200000252	BUI THI AI NHU	女	2007-04-18	022307003027	LE 5.21	
17	H42516850200000253	NGUYEN NGOC UYEN KHUE	女	2007-02-17	022307008450	LE 5.21	
18	H42516850200000254	VU VAN LINH	女	2003-11-14	001303016738	LE 5.21	
19	H42516850200000255	NGUYEN THI CHUNG NHI	女	2007-07-25	027307007463	LE 5.21	
20	H42516850200000256	VU LINH TRANG	女	2007-12-02	022307011611	LE 5.21	
21	H42516850200000257	PHAM PHUONG LINH	女	2002-11-06	027302000233	LE 5.21	
22	H42516850200000258	PHAM YEN NHI	女	2005-12-11	027305011338	LE 5.21	
23	H42516850200000259	LE VAN PHUC	男	1999-10-17	022099001553	LE 5.21	
24	H42516850200000260	DO MINH QUAN	男	2007-11-23	031207003208	LE 5.21	
25	H42516850200000261	NGUYEN HAI LONG	男	2006-06-25	03120617965	LE 5.21	
26	H42516850200000262	TRAN THI CHUC	女	1992-09-03	036192014089	LE 5.21	
27	H42516850200000263	TRAN THI THUY DUONG	女	2002-02-08	036302008864	LE 5.21	
28	H42516850200000264	HOANG THI THUONG	女	2002-04-24	036302001855	LE 5.21	
29	H42516850200000265	TRAN THI THANH	女	1990-12-13	004190000062	LE 5.21	
30	H42516850200000266	DO VAN DUY	男	2005-08-18	036205000455	LE 5.21	
31	H42516850200000267	NGUYEN MINH HIEU	男	1999-09-13	036099004026	LE 5.21	
32	H42516850200000268	NGUYEN VU MINH NGOC	女	2008-04-29	036308008626	LE 5.21	
33	H42516850200000269	NGO THI CHAM	女	2001-07-21	035301005144	LE 5.21	
34	H42516850200000270	DO MINH KHOI	男	2014-07-13	p02220346	LE 5.21	
35	H42516850200000271	NGUYEN MINH YEN	女	2007-02-21	027307000202	LE 5.21	
36	H42516850200000272	NGUYEN NGOC HANG	女	2007-08-10	024307003086	LE 5.21	
37	H42516850200000273	NGUYEN PHUONG MAI	女	2002-05-08	024302000083	LE 5.21	
38	H42516850200000274	NGUYEN DO MAI LINH	女	2006-12-30	017306007663	LE 5.21	
39	H42516850200000275	HOANG HUONG LAN	女	1998-08-26	036198005466	LE 5.21	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 4 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H42516850200000276	LE NHAT PHUONG	女	2008-09-01	038308002870	IE 4.13	
2	H42516850200000277	NGUYEN AN KHUE	女	2003-12-01	001303015302	IE 4.13	
3	H42516850200000278	BUI TRA MY	女	2003-03-31	017303000899	IE 4.13	
4	H42516850200000279	DUONG THE MANH	男	1993-01-13	027093009208	IE 4.13	
5	H42516850200000280	NGUYEN THI THU	女	1998-12-08	024198013465	IE 4.13	
6	H42516850200000281	PHAN THI HOAI	女	2004-04-04	042304004718	IE 4.13	
7	H42516850200000282	NGUYEN NGOC QUY	男	2003-01-01	038203011588	IE 4.13	
8	H42516850200000283	DO QUYNH CHI	女	2007-10-16	019307002256	IE 4.13	
9	H42516850200000284	LUONG THI HUONG TRA	女	2007-03-10	019307011853	IE 4.13	
10	H42516850200000285	NGUYEN PHUONG LINH	女	2007-02-10	001307025665	IE 4.13	
11	H42516850200000286	NGUYEN THI TO UYEN	女	2008-03-29	024308006287	IE 4.13	
12	H42516850200000287	NGUYEN THI NGOC	女	1987-08-14	024187016782	IE 4.13	
13	H42516850200000288	NGUYEN THI MAI PHUONG	女	2008-07-13	024308004150	IE 4.13	
14	H42516850200000289	LO THANH SON	男	2000-08-13	020200002668	IE 4.13	
15	H42516850200000290	NGUYEN QUYNH HUONG	女	2007 02 10	004307000055	IE 4.13	
16	H42516850200000291	NGUYEN THI VAN ANH	女	2002-08-17	024302007896	IE 4.13	
17	H42516850200000292	NONG THI HOAI	女	2007-12-03	004307003930	IE 4.13	
18	H42516850200000293	BUI THI HA VY	女	2007-11-18	034307008076	IE 4.13	
19	H42516850200000294	TRAN KHANH LINH	女	2008-09-10	022308000156	IE 4.13	
20	H42516850200000295	DANG YEN VY	女	2007-09-02	025307008746	IE 4.13	
21	H42516850200000296	DOAN THU HUYEN	女	2004-09-12	004304001174	IE 4.13	
22	H42516850200000297	NGUYEN THI NGOC MINH	女	2000-07-12	033300009766	IE 4.13	
23	H42516850200000298	TRAN THU TRANG	女	2004-08-11	024304012878	IE 4.13	
24	H42516850200000299	NGUYEN THI BINH	女	2002-08-21	027302002561	IE 4.13	
25	H42516850200000300	NONG THI KIM TOAN	女	1989-04-11	004189001625	IE 4.13	
26	H42516850200000301	NGUYEN THI HAI YEN	女	2007-12-08	001307027512	IE 4.13	
27	H42516850200000302	DAM MINH TOI	男	1995-07-10	033095012653	IE 4.13	
28	H42516850200000303	VU DUC MANH	男	1997-04-27	022097003349	IE 4.13	
29	H42516850200000304	LO THI HA	女	1992-09-03	020192006155	IE 4.13	
30	H42516850200000305	DANG THI MINH DUONG	女	2006-11-15	027306005328	IE 4.13	
31	H42516850200000306	DINH THU THUY	女	2006-12-02	037306003573	IE 4.13	
32	H42516850200000307	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2000-10-14	040300024136	IE 4.13	
33	H42516850200000308	NGO MAI ANH	女	2003-09-29	022303003825	IE 4.13	
34	H42516850200000309	DO TRAN TUE LAM	女	2007-09-26	002307007948	IE 4.13	
35	H42516850200000310	TONG DUY HA	男	1988-06-08	022088000798	IE 4.13	
36	H42516850200000311	NGUYEN PHUONG LINH	女	2007-09-15	001307011433	IE 4.13	
37	H42516850200000312	NGUYEN THI THANH THAO	女	2006-06-20	034306011411	IE 4.13	
38	H42516850200000313	NONG THI ANH THO	女	2007-10-28	019307003057	IE 4.13	
39	H42516850200000314	PHAM HUYEN DIU	女	2007-06-16	026307007127	IE 4.13	